



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DOAN TAN HIEU
Last Middle First

Current Address: 29/60 Hoàng Hoa Thám - Bình Thạnh - Hồ Chí Minh City

Date of Birth: 1942 Place of Birth: Thu - đ. một

Previous Occupation (before 1975) Captain Police
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-1975 To 03-1983
Years: 07 Months: 10 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LE THI XET	1946	wife
DOAN THI MINH HIEN	1971	daughter
DOAN MINH DUC	1974	son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Hai bản hồ sơ của :

Đoàn Tân Hiến
Đại úy Cảnh Sát

Địa chỉ VN:

29/60 Hoàng Hoa Thám
Quận Bình Thạnh
Th/ph. Hồ Chí Minh.

* Đã gửi cho @DP. (Chai Sơn) 1 bản
chưa có số IV.

BỘ NỘI VỤ
Trại cải tạo số 3
Số 35/GHT

CON LẠC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

0010 764033 2

GIẤY RA TRẠI



Tại hành quyết định theo số 182 ngày 22 tháng 1 năm 1983
của: Bộ nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:

Họ tên khai sinh: Đoàn Tấn Hiếu Sinh năm: 1942

Nơi sinh: An Sơn, Lai Châu, Thủ dẫy Mật

Nơi DKHK thường trú: 4291 Cu xã Thành Đa Gia định.

Cơ tội: đại úy nguy

Ngày bắt: 11/6/1975

Án phạt: TPOC

Án

Nay về cư trú tại: NLOB An hòa, An sơn, Thuận, tỉnh sông. bé.

Nhận xét quá trình cải tạo:

- Tư tưởng: An tâm cải tạo, chưa có biểu hiện gì xấu.

- Lao động: Bị bệnh không đi lao động được.

- Học tập: thịn gia đến tiếp thu được.

- Nội qui: chấp hành khá, chưa có gì sai phạm lớn.

Dương sự phải trình diện tại UBND Xã, An hòa, An sơn Huyện Thuận
An trước ngày 15 tháng 3 năm 1983.

Lên tay ngón trở phải
của: Hiếu
Danh sách số: 74
Lập tại: Bắc Thái

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 28 tháng 3 năm 1983
P. GIẤY THAI

Đoàn Tấn Hiếu

XÁC NHẬN

ĐẠI ÚY BẮC THÁI

An Sơn

6

9 năm 1986

ƯỚC

Đại úy: Nguyễn Quốc Thuận

1. 1 SERVICE N° : CNA.132883.

2. IBM PAYROLL Number : 157.668

3. RELIGION : Buddha, SEX : MASCULIN

4. MILITARY EDUCATION : - 21th BASIC PROMOTION at THỦ ĐỨC MILITARY SCHOOL
- COURSES II INSPECTOR 1967 at NATIONAL POLICE ACADEMY SAIGON.
- COURSES 6 REDACTOR 1971-1972 NATIONAL POLICE ACADEMY THỦ ĐỨC

5. PLACE WORKED :

- 31.12.1967 to 1972: Inspector Police Combine Police Patrol with U.S. MP and KOREAN MP. at Joint Patrol Police Headquarters (C.P.O.C.) at CENTRAL Police Station, my chief is Major NGUYỄN NGỌC XINH (dead 1968) and last changed Captain NGHIÊN XUÂN-LANH (1968-1971).
- 1972-1975 Captain Police, chức vụ: hiệu sử phòng Tâm lý/clinique at NATIONAL POLICE HEADQUARTERS HẬU NGHIA province.
COMMANDER : Lieutenant-Colonel : NGUYỄN KHẮC ĐẠT. to 30-4-75.
NGUYỄN VĂN THỤ (1972)

19. AFTER April 30th 1975. ... Major Bùi Xuân Hoàn.
- June 11th 1975 I have been in Reeducation Camp at TÂN HIỆP BIÊN HÒA province.

- 1975-1976 Camp. TÂN HIỆP BIÊN HÒA, GIÀ RAY LONG KHANH
- 1976-1977 : PHÒNG QUANG, BẮC THÁI, PHU SÓN.
- 1979-1983 : Camp 3th NGHỆ TĨNH. province

BACK HOME 13.3-1983

6. Mailing Address : 29/60 đường Hoàng Hoa Thám, huyện BÌNH THẠNH, HỒ CHÍ MINH PHỐ HỒ CHÍ MINH VN City

ENCLOSURES:

- COPY OF RELEASE CERTIFICATE (1)
- COPY of BIRTH CERT. (4)
- COPY of MARRIAGE CERT. (1) + (1)
- PHOTOGRAPH 2 for each.
- COPY I.D CARD 1980. (2)
- COPY LIST OF FAMILY (1)
- QUYẾT ĐỊNH CÔNG DÂN (1)
- COPY. BACCALAUREAT (1)
- COPY PHIẾU GỬI TIỀN NHẢY (1)

TO : THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
131 Soi Tien Siang, Sathorn Tai Road
BANGKOK 10120 - THAILAND

SUBJECT Request for immigration to the USA under the Orderly
Departure Program (ODP).

Dear Sir,

I am signed. : . . . ĐOÀN TÂN HIẾU
Date and place of birth : OCTOBER. 6TH. 1942 . . . THỦ DẦU MỘT
Nationality : . . . VIỆT NAM . . .
Family status : . MARRIED. and. 2. CHILDREN . . .
Home address : 165 D. ẤP AN-HÒA, XÃ AN SƠN, THUẬN AN, SÔNG BÈ
Education : . BACCALAUREAT. COMPLETE . . .
Before April 30th, 1975 : IBM Serial FBM 157.668, Serial No . . .
Rank : CAPTAIN POLICE (REDACTOR) . . .
Occupation : CHỦ SỞ PHÒNG TÂM LÝ CHIẾN . . .
Unit : NATIONAL POLICE HEADQUARTERS. HẬU NGHĨA
After April 30th, 1975 : IN CAMP PROVINCE
Camp from : . . . 11.6.1975. to: . 13.3.1983. 2
Released from camp : CAMP. 3. TH. NGHỆ TĨNH

Due to difficulties of my situation and based on the authority of your organization and the spirit of humanitarian act in which thousands of people had been saved. I wish to request your assistance and intervention with the Government of Socialist Republic of Vietnam in order that my family and I may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection and under the Orderly Departure Program (ODP) to immigrate in the USA for the purpose of seeking a new life.

Following are my relatives to be evacuate with me to the US :

No :	Full name	Date and place of birth	Sex	Relationship
1..	LÊ THỊ XÉT	21.2.1946	BÌNH DƯƠNG	F. : MY WIFE
2..	ĐOÀN THỊ MINH HIẾN	10.11.1971	SAIGON	F. : MY DAUGHTER
3..	ĐOÀN MINH ĐỨC	11.12.1974	SAIGON	M. : MY SON
..	..	..	..	..
..	..	..	..	..
..	..	..	..	..
..	..	..	..	..
..	..	..	..	..
..	..	..	..	..

Your approval on my request to help me through your humanitarian act with be highly appreciated.-

Very respectfully Yours,

PHI CHÚ TRANG SAU

ĐOÀN TÂN HIẾU

1. SERVICE N° : CMA.132883.
2. IBM PAYROLL NUMBER : 157.668
3. RELIGION : Buddha. , SEX : MASCULIN
4. MILITARY EDUCATION : - 21th BASIC PROMOTION at THỦ ĐỨC MILITARY SCHOOL
 - COURSES II INSPECTOR 1967 at NATIONAL POLICE ACADEMY SAIGON
 - COURSES 6 REDACTOR 1971-1972 NATIONAL POLICE ACADEMY THỦ ĐỨC
- 5) PLACE WORKED :
 - 31. 12. 1967. to 1972: Inspector Police Combine Police Patrol with U.S. MP and KOREAN MP. at Joint Patrol Police Headquarters (C.P.O.C.) at CENTRAL Police Station, my chief is MAJOR NGUYỄN NGOC XINH. (dead 1968) and last changed Captain NGHIÊM XUÂN-LANH (1968-1971).
 - 1972-1975 Captain Police, chức vụ: hiệu sử phòng Tâm lý/clinici at NATIONAL POLICE HEADQUARTERS HẬU NGHIA province.
COMMANDER : Lieutenant-Colonel : NGUYỄN KHẮC ĐẠT. to 30-4-77
NGUYỄN VĂN THỦI (1972)
19. AFTER April. 30th 1975. --- Major Bùi Xuân Hoàn.
 - June 11th 1975 I have been in Reeducation Camp at TÂN HIỆP BIÊN HÒA province.
 - 1975-1976 Camp. TÂN HIỆP BIÊN HÒA, GIÀ RAY LONG KHANH
 - 1976. 1977 : PHONE QUANG, BẮC THÁI, PHU SƠN.
 - 1979. 1983 : Camp 3th NGHỆ TĨNH. province
- BACK home 13. 5 - 1983
- Mailing Address : 29/60 đường Hoàng Hoa Thám, huyện BÌNH THẠNH, HỒ CHÍ MINH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VN (City)

ENCLOSURES:

- 1 COPY OF RELEASE CERTIFICATE (1)
- 2 COPY of BIRTH CERT. (4)
- 3 COPY of MARRIAGE CERT. (1) & (1)
- 4 PHOTOGRAPH 2 for each.
- 5 COPY I.D CARD 1980. (2)
- 6 COPY LIST OF FAMILY (1)
- 7 QUYẾT ĐỊNH CÔNG DÂN (1)
- 8 COPY. BACCALAUREAT (1)
- 9 COPY PHẪU GỬI TIỀN NHÀ. (1)



Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Đoàn-tấn-tiểu
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Trai
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 6 Octobre 1942
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	An-Sơn-Thôn
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Đoàn-văn-sanh
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Lúa rẫy
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An-Sơn-Thôn
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trương-thị-luê
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Coi việc nhà
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An-Sơn-Thôn
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ Chánh

Trích y bản chánh.
(Pour extrait conforme)

Bình-Dương ngày 05-5-1942
CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)



ĐẠI-ĐOÀN-THƯỜNG

Giá tiền : 15.00
(Coût)
Biên-lai số
(Quittance no)

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn AN SƠN
Thị xã, Quận THUẬN AN
Thành phố, Tỉnh SÔNG BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc



Mã: HT2/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

202

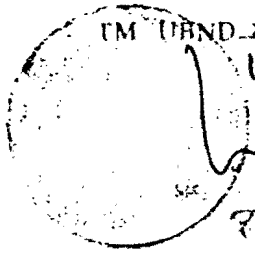
Số: 01

Họ và tên	ĐOÀN THỊ MINH HIỀN		Nam, nữ	NỮ ²
Sinh ngày tháng năm	Ngày MƯỜI tháng MƯỜI MỘT năm MỘT NGÀN CHƯỠN TRĂM BẢY MƯỜI MỘT 1971			
Nơi sinh	BỆNH VIỆN SÀI GÒN			
Khai về cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng, năm sinh)	ĐOÀN TÂN HIỀN 1942		LÊ THỊ XÉT 1946	
Dân tộc Quốc tịch	KINH VIỆT NAM		KINH VIỆT NAM	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNC thường trú	LÀM RÂY Ấp AN HÒA xã AN SƠN		LÀM RÂY Ấp AN HÒA xã AN SƠN	
Họ tên tuổi, nơi ĐKNC thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	ĐOÀN TÂN HIỀN 1942 Ấp AN HÒA Xã AN SƠN, Huyện THUẬN AN Tỉnh SÔNG BÈ			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 6 tháng 9 năm 1986

TM UBND X.Đ. ký tên đóng dấu



Đã ký ngày 03 tháng 01 năm 1985

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

UVTK

Đ. 140

Trần Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020408242

Họ tên: **ĐOÀN TẤN HIẾU**

Sinh ngày: **06-10-1942**

Nguyên quán: **An Sơn**

Lai Thiêu, Bình Dương

Nơi thường trú: **An Sơn**

Thuận An, Sông Ré

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 0200005991

Họ tên: **LÊ-THỊ-XÉT**

Sinh ngày: **1946**

Nguyên quán: **Thới Hòa**

Bến Cát, Bình Dương

Nơi thường trú: **An Sơn**

Thuận An, Sông Bé.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, Thị trấn AN SƠN
Thị xã, Quận THUẬN AN
Thành phố, Tỉnh SÔNG BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu



BẢN SAO

CÁI KHAI SINH

Số : 20
Quyền số : 01

Họ và tên	<u>ĐOÀN MINH ĐỨC</u>		Nam, nữ <u>NAM</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>ngày MƯỜI MỘT tháng MƯỜI HAI, năm</u> <u>MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BĂY MƯỜI BỐN 1974</u>		
Nơi sinh	<u>BỆNH VIỆN SÀI GÒN</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng, năm sinh)	<u>ĐOÀN TÂN HIỆU</u> <u>1942</u>	<u>LÊ THỊ XÉT</u> <u>1946</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>KINH</u> <u>VIỆT NAM</u>	<u>KINH</u> <u>VIỆT NAM</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>LÀM RẪY</u> <u>ấp AN HÒA xã AN SƠN</u>	<u>LÀM RẪY</u> <u>ấp AN HÒA xã AN SƠN</u>	
Họ tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>ĐOÀN TÂN HIỆU 1942 ấp AN HÒA xã</u> <u>AN SƠN huyện THUẬN AN tỉnh</u> <u>SÔNG BÈ</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 6 tháng 9 năm 1986

TM UBND Xã An Sơn ký tên đóng dấu

HUTK

Hàng ký ngày 03 tháng 01 năm 1985
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

HUTK

Đã ký

Chứng-chỉ Tú-Tài phần thứ Hai

35 ký danh

02411 / Saigon

CHÁNH-CHỦ-KHẢO HỘI-ĐỒNG KHẢO-THI



nhận-thực thi-sinh

ĐOÀN TÂN-THIỆN

sinh ngày 06 tháng 10 năm 1942

tại An Sơn Thôn tỉnh Thủ Đức một

đã trúng-tuyển kỳ thi TÚ-TÀI PHẦN THỨ HAI

Ban B hạng Thủ

Khóa ngày 08/7/70 tại Saigon

với điều-kiện được Ông Tổng-Trưởng Quốc-Gia

Giáo-Dục phê-chuẩn.



Saigon ngày 25 tháng 7 năm 1970

người lập chứng-chỉ

Họ và Tên Đoàn Tân-Thiện

Chữ ký

Thuan 2

CHÁNH-CHỦ-KHẢO

Họ và Tên Nguyễn-Đức-Thiện

Chữ ký

Quoc Thien

BIỆT-CHÚ : Chứng-chỉ này chỉ cấp cho mỗi người một lần.
Khi cần phải làm bản sao, xin thi thực của Chánh-quyền.



ĐOÀN MINH ĐỨC 1974



ĐOÀN TẤN HIẾU 6.10.1942



LÊ THỊ XẾT 1946



ĐOÀN THỊ MINH HIỀN 1971

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 206/QĐ/UB T. Thuận An, ngày 23 tháng 5 năm 1981

() ỦY BAN NHÂN DÂN
PHỤC HỒI QUYỀN CÔNG DÂN.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN AN

- Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn của UBND huyện được qui định theo điều 43 và 45 trong luật tổ chức hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp.

- Căn cứ quyết định số 906/QĐ/TC ngày 07/12/1981 của UBND tỉnh Sông Bé phê chuẩn thành phần UBND huyện Thuận An nhiệm kỳ 1981 - 1983.

- Căn cứ điều 6 bản chính sách số 2/CS/76 ngày 25/5/76 của Chính phủ CHLCHVN ban hành việc xử lý đối với những người làm việc trong quân đội chính quyền và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ.

- Căn cứ hội nghị nhân dân xét phục hồi quyền công dân cho anh Đoàn Văn Thiệu và đề nghị của Công an huyện ngày 18/5/1981.

() QUYẾT ĐỊNH

Điều I/ Nay phục hồi quyền công dân cho anh Đoàn Văn Thiệu sinh ngày: 1942, hiện ngụ tại số 101A ấp An Hòa xã An Hòa chức vụ chỗ ở cũ Đại lý chủ trì phòng tam kỳ Đã cấp máy cày sát định khẩu súng đã mãn thời hạn quản chế tại địa phương.

Điều II/ Anh Đoàn Văn Thiệu được hưởng mọi quyền lợi của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hiến pháp qui định kể từ ngày ký quyết định.

Điều III/ Văn phòng UBND huyện, Công an huyện, UBND xã An Hòa và anh Đoàn Văn Thiệu căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận

- Như điều III thi hành
- Lưu văn phòng.

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

CHỖ ĐÓNG



Đoàn Văn Thiệu

An Sơn 15.08.1986

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự Do Hạnh Phúc

Kính gửi Ủy Ban Nhân Dân xã An Sơn
Đề mục: Đề Xin Xác Nhận Tình Trạng VU CỐN
GIẤY SỐNG CHUNG --

Tôi đứng tên dưới đây là: ĐOÀN TÂN HIẾU sinh 6.11.1942

tại tỉnh Thủ Đức là một con ông Đoàn Văn Sanh và bà
Trương Thị Huệ, giấy Căn cước chứng minh Nhân Dân số
280408242 cấp ngày 18.02.1984. Nghề Nghiệp: Làm Rẫy
Hiện ngụ tại: 165.D. ấp An Hòa, xã An Sơn, huyện Thuận An, Sông Bé
Nguyên năm 1970 tôi có kết hôn ở với cô

LÊ THỊ XÉT sinh 21.02.1946 tại tỉnh Bình Dương con
ông Lê Văn Thi và bà Nguyễn Thị Ngăn, giấy chứng minh
Nhân Dân số 280005991 cấp ngày 29.05.1978, Nghề Nghiệp
Thở Máy Hiện ngụ tại cùng Chung địa chủ nêu trên

Vì cha mẹ 2 bên không đồng ý nên không có làm giấy
tách đôi. Trong thời gian chung sống chung tôi sinh được
2 đứa con, hiện tại chúng tôi vẫn còn chung sống.

1. ĐOÀN THỊ MINH HIỀN sinh 10.11.1971 tại Saigon. Học Sinh
2. ĐOÀN MINH ĐỨC sinh 11.12.1974 tại Saigon. Học Sinh

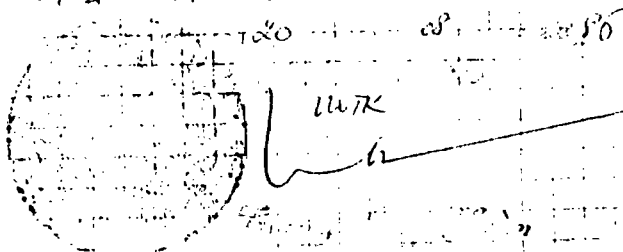
Kính xin Quý Ông vui lòng Xác Nhận dùm để tôi tiện
việc nuôi dưỡng 2 đứa con của tôi Tôi Thành Kính Biết ơn

Kính chào

Ủy Ban Nhân Dân xã An Sơn

Phụ

LÊ THỊ XÉT được sinh năm 1970 - có vợ con
chung và Đoàn Thị Minh Hiền 1971 và Đoàn
Minh Đức 1974 - là như sau.



Xác nhận:

Trần Văn
Đoàn
Trần Văn
Đoàn

TRÁCH Y BẢN CHẤM

QUỐC HẢI NAM-THAI

Nhảy (Lê Hoàng) năm 1967
Số 2115/NĐ
Ấn thiế-vi khai-sanh cho
Lê-thị-xét.

Chánh-Ấn: Trần-Duyệt-Kiến
Biên-Ls:
Lục-Sự: Huỳnh-Thị-Hoàng-Liễn

đã lên bản án như sau:

BẢN ÁN TOÁ ÁN:

Chẩn theo đơn của Lê-văn-Thể
xin ấn thiế-vi khai-sanh cho con y.

BỞI CÁC LỄ ẤY:

chứng nhận Lê-văn-Thể và Huỳnh-Thị-Dị-an nhân con.

phán rằng: Lê-thị-xét (mũ) sanh ngày 21-2-1940
tại xã Thới-Hòa, quận Bến-Cát, tỉnh
Bình-Dương, là con đẻ sanh của Lê-văn-Thể
và Huỳnh-Thị-Dị-an.

viết nháp
sao y bản chính
Sơn, ngày 6 tháng 9 năm 1986



h

Phán rằng Ấn này thiế-vi khai-sanh cho trẻ Ấy
Đã ghi đơn pháp quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên
của xã Thới-Hòa, quận Bến-Cát, Bình-Dương,
và loại biên án này vào sổ tờ khai-sanh của xã này gần nhất ngày
21-2-1940, giữ tại lưu trữ công-văn
và Phòng Lục-Sự Toà-Án sở tại
Đã nguyên-dơn chấp hồi án phí
Ấn này làm, số và ngày, tháng và năm đã kê trên.
Ký tên: Trần-Duyệt-Kiến, Huỳnh-Thị-Hoàng-Liễn
Trước họ tại Phòng (Sở) Công-Án, Thủ-Điền, ngày 20-7-1967
Quyển 4 Tờ 69 Số 384/114
Thần: 27.00.00

GIẤY TỜ	
Tên họ	...
Số họ	...
Tên họ	...
Chức vụ	...

TRÍCH Y BẢN CHẤM
Ngày 19 tháng 10 năm 1967
THÀNH LỤC-SỰ

ỦY BAN NHÂN DÂN
Quận (huyện) THUAN AN
Phường (xã) AN SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc



Số 252

CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

Chứng nhận ông ĐOÀN TÂN HIẾU
Sinh ngày 06.10.1942 tại An Sơn Phôn 2 khu cũ một
CMND 280408212 cấp tại SÔNG BÈ ngày 18.02.1984
Nghề nghiệp Làm vườn hiện ngụ tại 165 D. ấp An Hòa, An Sơn
Có trình diện tại phường xã A

Bà LÊ THỊ XÉT là vợ sinh ngày 21.02.1946
Tại BÌNH DƯƠNG do giấy hôn thú số _____
Cấp tại _____ ngày _____

và những đứa trẻ có tên sau đây

- | | | |
|------------------------------|----------------------|-------------------|
| 1) <u>ĐOÀN THỊ MINH HIẾN</u> | sinh năm <u>1971</u> | tại <u>SAIGON</u> |
| 2) <u>ĐOÀN MINH ĐỨC</u> | sinh năm <u>1974</u> | tại <u>SAIGON</u> |
| 3) _____ | sinh năm _____ | tại _____ |
| 4) _____ | sinh năm _____ | tại _____ |
| 5) _____ | sinh năm _____ | tại _____ |
| 6) _____ | sinh năm _____ | tại _____ |
| 7) _____ | sinh năm _____ | tại _____ |
| 8) _____ | sinh năm _____ | tại _____ |
| 9) _____ | sinh năm _____ | tại _____ |
| 10) _____ | sinh năm _____ | tại _____ |

LÀ vợ con dương sự do tờ khai gia đình hôn thú khai sinh xuất
trình biện nay còn sống chung với dương sự.

Chứng chỉ này được cấp phát để tiện dụng và chấp chiếu.



Ngày 06 tháng 09 năm 1986
PHUONG AN SON
LVTK

Trương Công Chính

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến	Chuyển đến
Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu	Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu
Chuyển đến	Chuyển đến
Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu	Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	

100/34
Mẫu số NK 4

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số:

Họ và tên chủ hộ: ĐOÀN TÂN HIỆU

Số nhà: 165D Ngõ (hẻm): 4P AN HÒA

Đường phố: Đón CAND:

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: AN GIANG

Tỉnh, thành phố: SINGAPORE

Ngày 2 tháng 8 năm 1978

PO TRƯỞNG CÔNG AN

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjablum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

- Name
Họ, tên : ĐOÀN TẤN HIẾU 1942 Sex: Male
Phái NAM
- Other Names
Họ, tên khác : None
- Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : BORN OCTOBER 06th 1942 ANSÓN THÔN - THỦ ĐẤU MỘT
- Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 165.D. ấp AN HÒA XÃ AN SƠN, HUYỆN THUYỀN AN TỈNH SÔNG BÈ
- Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 29/60 HOÀNG HOA THAM street HUYỆN BÌNH THANH, HỒ CHÍ MINH CITY.
- Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : FARMER - NATIONAL POLICE OF SOUTH VIETNAM FROM

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày, tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đ
1. <u>LÊ THỊ XÉT</u>	<u>21.02.1946</u>	<u>BÌNH DƯƠNG</u>	<u>F</u>	<u>M</u>	<u>MY WIFE</u>
2. <u>ĐOÀN THỊ MINH HIẾN</u>	<u>10.11.1971</u>	<u>SÀI GÒN</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>MY DAUGHTER</u>
3. <u>ĐOÀN MINH DIỄN</u>	<u>11.12.1974</u>	<u>SÀI GÒN</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>MY SON</u>
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the person listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please list their addresses in Section I below.)

(Chú-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy chết-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với tôi không chung-ngủ với tôi hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/My relatives outside Vietnam

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	
d. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name Họ, tên	:	ĐOÀN NGUYỄN
b. Relationship Liên-hệ gia đình	:	My dear Friend
c. Address Địa-chỉ	:	32 AMIEL street, SPRINGVALE VIC 3171 AUSTRALIA

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	:	ĐOÀN TÂN SANH (1917) Dead 1962
2. Mother Mẹ	:	TRƯỜNG-THỊ THUÊ Dead 1946. LÊ THỊ ĐẤT (1917, STEP MOTHER) LIVING SAME ABOVE
3. Spouse Vợ/Chồng:	:	LÊ THỊ XÉT. 1946. LIVING 165 D. ẤP ANHÒA, ANSƠN THUẬN AN, SÔNG BÉ
4. Former Spouse (if any), Vợ/Chồng trước (nếu có):	:	

5. Children Con cái:	(1)	ĐOÀN THỊ MINH HIỀN 1971 LIVING 165 D SAME ABOVE
	(2)	ĐOÀN MINH ĐỨC 1974 LIVING - " -
	(3)	
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	

6. Siblings Anh chị em:	(1)	ĐOÀN THỊ THUẬN 1954 Dead
	(2)	ĐOÀN TÂN HÒA 1957 LIVING
	(3)	(100 D ẤP ANHÒA, ANSƠN, THUẬN AN, SÔNG BÉ)
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	

6. Reason for Separation : FALL OF SOUTH REGIME VN 30.4.1975
Lý do nghỉ :
7. Names of American Advisor(s): Captain MARION - Police Advisor 1972 196
Họ tên cố-vấn lý :
8. U.S. Training Courses in Vietnam: COURSES II INSPECTOR NATIONAL POLICE OFF
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ : COURSES VI REDACTOR NATIONAL POLICE OFFICE
tại Viet-Nam : ACADEMY THU DUC. 1972.
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phân-thưởng hoặc giấy khen: Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available
Available? Yes ☐ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đừng sợ có không? Có ☐ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee: NONE
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: Đến:
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chi-trả huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐
(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation: ĐOÀN TÂN HIẾU 1942
Họ tên người đi học-tập cải-tạo :
2. Time in Reeducation: From: To: Total Time
Thời gian học-tập Từ: 11.06.1975 Đến: 13.03.1983
3. Still in Reeducation?* Yes No 7 years 9 months
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không x 2 da

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Send 4 time please Help me Thank you very much

Signature
Ký tên :

Đoàn Tân Hiếu

Date
Ngày :

AUGUST 10th 1987

Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. COPY OF RELEASE CERTIFICATE (1)
2. COPY OF BIRTH (4)
3. COPY OF ID CARD (2)
4. COPY OF MARRIAGE CERT (1)
4. COPY LIST OF FAMILY
5. PHOTO GRAPH 3 for one
6. ORDE CERT (1)
7. COPY BACCALAUREAT (1)
8. PHẪU GỒI TRẢ TIỀN NHÀ (1)
9. QUYẾT ĐỊNH CÔNG-DÂN

31

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NONE
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị : _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị : _____
- Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị : _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoặc Vo/Chong Da Cong-vi voi .
Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: ĐOÀN TÂN HIẾU IBM PAYR. 157668
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 31.12.1967 Đến 30.4.1975
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng CAPTAIN POLICE Serial Number:
REDACTOR Số thẻ nhân-viên: _____
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : NATIONALE POLICE Ministry, National
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : POLICE HEADQUARTERS of HẬU NGHĨA PROVINCE
NGUYỄN KHẮC DAT - LIEUTENANT COLONEL
NGUYỄN VĂN THỊ - II - COMMANDER

TỔNG-CUỘC PHÁT-TRIỂN GIA-CU
NHÀ DOANH-LÝ

60, Hoàn-thị-Điểm Saigon 3

Số : 1110/TCGC/HDL/PP.

X

Kính gửi :

Thiếu-Tá Chỉ-Huy-Trưởng
BCH/Cảnh-Sát Quốc-Gia.

- HẬU-NHĨA-

LIỆT-KÊ VAN-KIỆU :

-Tổ cam kết khấu trừ lương tháng để trả tiền thuê mua nhà
của Tổng-Cuộc, Căn số 429 lô 7 Quận Thanh-Đà
mã số 20 - 20 Tỉnh Gia-Định

Cấp Ông (Bà) :

ĐOÀN-TÂN-HIỆU

Nghị/Trật/Cấp bậc :

Đại-Ủy

Hiện từng sự tại :

BCH/Cảnh-Sát Quốc-Gia Hậu-Nghĩa.

thuộc Cơ-quan :

CƯỚC CHỦ :

Kính yêu cầu Quý

Cơ-Quan

vui lòng

giúp Tổng-Cuộc :

1/-Khấu trừ lương hàng tháng của đương sự kể từ tháng
10/1974 đến tháng 5/1999 mỗi tháng là 2.500

2/-Chuyển số tiền nói trên vào các Trường-Mục sau đây của
ng-Cuộc :

- 1.-Chi-Nhánh Việt-Nam Thương-Tân/Phủ-Thuận : Số 1070
- 2.-Chi-Nhánh VNTT/Trường-Minh-Giang : - 4100
- 3.-Chi-Nhánh VNTT/Pinh-Lầy : - 1100
- 4.-Chi-Nhánh VNTT/Bà-Kao : - 3000
- 5.-Trụ-Sở Trung-ương 79 Hàm-Nghĩa Saigon : - 20000
- 6.-Tổng-Nha Ngân-Kho : Số 6371 KL.

(Tham chiếu Nghị-Định số 551-NĐ/CC ngày 30-5-1972 và Thông-Đạo
số 022-TT/Th.T/PC2/4 ngày 7-3-1973 của Thủ-Tướng Chính-Phủ).

BẢN SÁC KÍNH GỬI :

-Ông GIÁM-ĐỐC Nhà Quản-Trị/TCPTGC
(Sở Tài-Chánh)

"Để kính tường"

-Ông Chánh-Sự-Vụ Sở Điều-Hành/TCPTGC
(Đính kèm 1 bản cam-kết khấu trừ lương)

"Để tường hành"

Đại-Ủy ĐOÀN-TÂN-HIỆU

BCH/CSC Tỉnh HẬU-NHĨA.

"Để kính tường"

Lưu.--

887.000

BỘ NỘI VỤ
Tại cải tạo số 3
Số 33- /GHT

CƠ QUAN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



0010 764033 2

GLAY RA TRAI

Tại hành quyết định tha số 182 ngày 22 tháng 1 năm 1983
của: Bộ nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:

Họ tên khai sinh: Đoàn Tấn Hiếu Sinh năm: 1942

Nơi sinh: An sơn tại thôn Thu dầy Mật

Nơi DKHK thường trú: 4291 Cu xã Thành Đa Gia định.

Cơ tội: đại úy nguy

Ngày bắt: 11/6 /1975

Án phạt: TPOC

An

Nay về cư trú tại: Diop An hòa, An sơn, Thuận, tỉnh sông. bé.

Nhận xét quá trình cải tạo:

- Tư tưởng: An tâm cải tạo, chưa có biểu hiện gì xấu.
- Lao động: Bị bệnh không đi lao động được
- Học tập: tham gia đến tiểu thu được
- Nội qui: chấp hành khá, chưa có gì sai phạm lớn.

Dương sự phải trình diện tại UBND Xã, An hòa, An sơn Huyện Thuận
An trước ngày 15 tháng 3 năm 1983.

Lên tay ngón trở phải
củ: Hiếu
Danh bạ số: 74
Tập tại: Bắc thái

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy: NGÀY 13 tháng 3 năm 1983
P. GIAM THỊ

Đoàn Tấn Hiếu

XÁC NHẬN

Đại úy: Nguyễn Quốc Tuấn

Số 9 BẮC THÁI

6

9 năm 1986

HUYỀN

HO CHI MINH CITY,

15/8/1986 18.8.1986

TO : THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
131 Soi Tien Giang, Sathorn Tai Road
BANGKOK 10120 - THAILAND

SUBJECT Request for immigration to the USA under the Orderly
Departure Program (ODP).

Dear Sir,

I am signed.

Date and place of birth

Nationality

Family status

Home address

Education

Before April 30th, 1975

Rank

Occupation

Unit

After April 30th, 1975

Camp from

Released from camp

ĐOÀN TÂN HIỆU
OCTOBER. 6th. 1942 . . . THỦ ĐỨC
VIỆT NAM . . .
MARRIED. and 2. CHILDREN . . .
165 D. ẤP AN HÒA, XÃ AN SƠN, THUẬN AN, SÔNG BÈ
BACCALAUREAT. COMPLETE . . .
IBM Serial FBM 157.668 serial no . . .
CAPTAIN POLICE (REDACTOR) . . .
CHỨC VỤ: CHỦ SỬ PHÒNG TÂM LÝ CHIẾN . . .
NATIONAL POLICE HEADQUARTERS. HẬU NGHĨA
IN CAMP . . . PROVINCE
11.6.1975. to: 13.3.1983.
Camp 3th NGHỆ TĨN

Due to difficulties of my situation and based on the authority
of your organization and the spirit of humanitarian act in which
thousands of people had been saved. I wish to request your assistance
and intervention with the Government of Socialist Republic of Vietnam
in order that my family and I may be authorized to leave Vietnam
under your arrangement and protection and under the Orderly Departure
Program (ODP) to immigrate in the USA for the purpose of seeking a
new life.

Following are my relatives to be evacuate with me to the US :

No : Full name : Date and place of birth : Sex : Relationship

1. : LÊ THỊ XÉT . . . 21.2.1946 . BÌNH DƯƠNG . F. : MY WIFE .
2. : ĐOÀN THỊ MINH HIỆN . 10.11.1971 . SAIGON : F. : MY DAUGHTER
3. : ĐOÀN MINH ĐỨC . 11.12.1974 . SAIGON : M. : MY SON .
.
.
.
.
.
.

Your approval on my request to help me through your humanitarian
act will be highly appreciated.

Very respectfully Yours,

PHI CHU TRANG SAU

ĐOÀN TÂN HIỆU

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
(République du Viet-Nam)

TÒA SỞ-THẨM

PHÒNG LỤC-SỰ

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SỞ-THẨM

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{re} INSTANCE DE

Dinh-Duong

CVA

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng An-Son-Thôn

(NAM-PHÂN)

(Sud VietNam)

Tỉnh Thủ-dầu-Một

NĂM

(Année) 1942

SỐ HIỆU

(Acte No)

93



Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Đoàn-tấn-Hiến
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Trai
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Le 6 Octobre 1942
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	An-Son-Thôn
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Đoàn-văn-Sanh
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Lừa rẫy
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An-Son-Thôn
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trương-thị-Luô
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Coi việc nhà
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An-Son-Thôn
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ Chánh

Trích y bản chánh.
(Pour extrait conforme)

Dinh-Duong ngày 06-5-1942
CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GERFIER EN CHIEF)

Giá tiền : 15.00
(Cont)
Biên-lai số
(Quittance no)



QUẢN LÝ THUỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn AN SƠN
Thị xã, Quận THUẬN AN
Thành phố, Tỉnh SÔNG BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Nam - Dân - Chủ - Nghĩa - Xã



Mã: HT2/P8

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

202

Số, lần số: 01

Họ và tên	ĐOÀN THỊ MINH HIỀN		Nam, nữ	Nữ ²
Sinh ngày tháng năm	Ngày MƯỜI tháng MƯỜI MỘT năm MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BẢY MƯỜI MỘT 1971			
Nơi sinh	BỆNH VIỆN SÀI GÒN			
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ		
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng, năm sinh)	ĐOÀN TÂN HIẾU 1942		LÊ THỊ XÉT 1946	
Dân tộc Quốc tịch	KINH VIỆT NAM		KINH VIỆT NAM	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	LÂM BÀỖ Ấp AN HÒA xã AN SƠN		LÂM BÀỖ Ấp AN HÒA xã AN SƠN	
Họ tên tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	ĐOÀN TÂN HIẾU 1942 Ấp AN HÒA Xã AN SƠN, Huyện THUẬN AN Tỉnh SÔNG BÈ			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 6 tháng 9 năm 1986

ỦY BAN NHÂN DÂN xã AN SƠN ký tên đóng dấu

WUTK

Đăng ký ngày 03 tháng 01 năm 1985

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

WUTK

05/1/85

Kiểm tra

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 060409242

Họ tên: **ĐOÀN TẤN HIẾU**

Sinh ngày: 06-10-1942

Nguyên quán: An Sơn
Lai Thiêu, Bình Dương

Nơi thường trú: An Sơn
Thuận An, Sông Bé

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 2200035991

Họ tên: **LÊ-THỊ-XẾP**

Sinh ngày: 1946

Nguyên quán: Thới Hòa
Bến Cát, Bình Dương

Nơi thường trú: An Sơn
Thuận An, Sông Bé.

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn AN SƠN
Thị xã, Quận THUẬN AN
Thành phố, Tỉnh SÔNG BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Nhân



BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số : 20
Quyển số : 01

Họ và tên	<u>ĐOÀN MINH ĐỨC</u>		Nam, nữ <u>NAM</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>Ngày MƯỜI MỘT tháng MƯỜI HAI, năm</u> <u>MỠI NGÀN CHÍN TRĂM BĂY MƯỜI BỐN 1974</u>		
Nơi sinh	<u>BỆNH VIỆN SÀI GÒN</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng, năm sinh)	<u>ĐOÀN TÂN HIẾU</u> <u>1942</u>	<u>LÊ THỊ XÉT</u> <u>1946</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>KINH</u> <u>VIỆT NAM</u>	<u>KINH</u> <u>VIỆT NAM</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>LÀM RẪY</u> <u>ấp AN HUÂN xã AN SƠN</u>		
Họ tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>ĐOÀN TÂN HIẾU 1942 ấp AN HUÂN xã</u> <u>AN SƠN huyện THUẬN AN tỉnh</u> <u>SÔNG BÈ</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 6 tháng 9 năm 1986

TM UBND Xã An Sơn ký tên đóng dấu

HUTK

Đăng ký ngày 03 tháng 01 năm 1985
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

HUTK

Đã ký